TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:166/2025/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 6 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI (4)

Trong ngày *26* tháng *06* năm *2025* tại xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/06/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1980

Địa chỉ: A, tổ B, khu phố K, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Ông **Dương Văn B**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ N, khu phố Đ, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Văn B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã P, huyện T (nay là phường P, thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 19/9/2013. Sau khi kết hôn 02 vợ chồng về nhà bố mẹ bà tại số nhà A, tổ B, khu phố K, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Quá trình sinh sống hai vợ chồng không có tiếng nói chung, ông B không có việc làm ổn định, không phụ việc nhà, không phụ vợ chăm lo cho con. Đầu năm 2023, bà phát hiện ông B có bồ nên hai vợ chồng cãi nhau, bà có nói ông B nếu có bồ thì đi luôn đi và từ tháng 12/2023 đến nay ông B đã bỏ nhà đi về nhà bố mẹ đẻ ông B tại Nhà không số, tổ N, khu phố Đ, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sinh sống và không quan tâm gì đến hai mẹ con bà. Do đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bà không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được. Nay xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn B.

Về con chung: Có 01 (*một*) con chung là Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014. Ly hôn, bà Nguyễn Thị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu ông Dương Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung**: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung**: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**. Tôi xin tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Dương Văn B nhưng ông Dương Văn B không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần tống đạt thông báo, giấy triệu tập mời Dương Văn B đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Dương Văn B không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn B không có hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N khai có 01 (*một*) con chung là Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014. Ly hôn, bà Nguyễn Thị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu ông Dương Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Dương Phát Đ có nguyện vọng ở với mẹ là bà Nguyễn Thị N, ông Dương Văn B cũng không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu ông Dương Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị N khai tài sản chung không có và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Dương Văn B cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông Dương Văn B

hiện đang sinh sống tại thành phố Biên Hòa nên đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Dương Văn B "*Thông báo thụ lý vụ án*"*,"Giấy triệu tập*", "*Thông báo thu thập được chứng cứ*","*Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải*" nhưng ông Dương Văn B vẫn không đến Tòa án làm việc. Do ông Dương Văn B đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt ông Dương Văn B cũng đã được tiến hành tống đạt theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông Dương Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Dương Văn B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Văn B theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn B. Về con chung bà Nguyễn Thị N khai có 01 (*một*) con chung là Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014. Ly hôn, bà Nguyễn Thị N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu ông Dương Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung tự không có và bà Nguyễn Thị N cam kết hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà ông Dương Văn B đã được niêm yết hợp lệ nhưng ông Dương Văn B không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của bà Nguyễn Thị N và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy ông Dương Văn B và bà Nguyễn Thị N cuộc sống chung không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông Dương Văn B và bà Nguyễn Thị N đã sống riêng. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn B không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho ông Dương Văn B để tiến hành hòa giải nhưng ông Dương Văn B không đến, cho thấy ông Dương Văn B không có thiện chí đoàn tụ với bà Nguyễn Thị N. Do vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn với ông Dương Văn B là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị N khai 01 (*một*) con chung là Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014. Ly hôn, bà Nguyễn Thị N xin được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung. Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên ông Dương Văn B tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Dương Phát Đ có nguyện vọng ở với mẹ. Ông Dương Văn B đã được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng ông Dương Văn B vẫn không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên ông Dương Văn B tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N khai không có và ông Dương Văn B không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung của bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn B trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N khai không có nợ chung và ông Dương Văn B không có ý kiến nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 119 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Dương Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phát Đ, sinh ngày 25/11/2014 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Dương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Dương Văn B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N khai không có và ông Dương Văn B không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N khai không có và ông Dương Văn B không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết về nợ chung của bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn B trong vụ án này.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp theo biên lai thu số: 0005359 ngày 31/12/2024 tại

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị N và ông Dương Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Các đương sự;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ, Vp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Ngọc